

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TIỂU CẦN  
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 26/3/2021

V/v ly hôn và tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Thạch Thị Thu Hiền

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trang Thị Cẩm Nhuận

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Đinh Thị Thanh Quyên – Thư ký Tòa án.

Ngày 26 tháng 3 năm 2021 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 75/2020/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp ly hôn và nuôi con. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2021/QĐXX-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 04/2021/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Thạch Thị Ngọc Á, sinh năm 1987; Địa chỉ: ấp Cây H, xã Phú C, huyện Tiểu C, tỉnh T (có mặt).

Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh Đ, sinh năm: 1985; Địa chỉ: ấp Cây H, xã Phú C, huyện Tiểu C, tỉnh T (vắng mặt không có lý do).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Tại đơn khởi kiện ngày 20/10/2020 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Thạch Thị Ngọc Á trình bày:**

Vào năm 2005 chị có xác lập quan hệ hôn nhân với anh Nguyễn Thanh Đ và có đăng ký kết hôn với nhau theo quy định của pháp luật vào ngày 19/8/2005 tại Ủy ban nhân dân xã Phú C, sau khi kết hôn vợ chồng sống chung cũng có hạnh phúc nhưng chỉ được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân anh Đ suốt ngày chỉ biết ăn nhậu không lo làm ăn, nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Đ

Về con chung: Có 01 con chung tên là Nguyễn Ngọc M, sinh ngày 07/10/2007, chỉ yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung không có

**Tại bản tự khai ngày 20/10/2020 cháu Nguyễn Ngọc M trình bày:** Nếu cha mẹ ly hôn với nhau nguyện vọng của con là muốn được sống chung cùng với mẹ

**Các tài liệu chứng cứ tình tiết của vụ án:**

- *Tài liệu do nguyên đơn cung cấp:* Giấy khai sinh của cháu Nguyễn Ngọc M (bản photo); Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn (bản sao)

- *Tài liệu chứng cứ do bị đơn cung cấp:* Không có.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ, nhưng anh Đ không đến Tòa tham gia tố tụng và Tòa án cũng không thể tiến hành lấy lời khai của anh Đ được nên không thể xác định được những tình tiết nào của vụ án mà các bên đã thống nhất và không thống nhất. Vì vậy Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xét xử vụ án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn anh Nguyễn Thanh Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa, nhưng anh Đ vắng mặt không có lý do, căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ.

2. *Về hôn nhân:* Chị Thạch Thị Ngọc Á và anh Nguyễn Thanh Đ có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã Phú C ngày 19/8/2005 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh Đ không lo làm ăn mà chỉ biết ăn nhậu. Quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa chị Á xác định chị không còn tình cảm gì với anh Đ nữa, giữa chị và anh Đ không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc lẫn nhau mà người nào chỉ biết bỏn phận người đó, bỏ mặc ai muốn sống ra sao thì sống điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị và anh Đ đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, nếu có duy trì thì mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Căn cứ vào điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Thạch Thị Ngọc Á được ly hôn với anh Nguyễn Thanh Đ.

3. *Về con chung:* Có 01 con chung tên là Nguyễn Ngọc M, quá trình tố tụng thì cháu M có nguyện vọng muốn sống chung với mẹ nên giao cháu M cho chị Á nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng muốn được sống chung với mẹ của cháu M. Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Á không yêu cầu.

4. *Về tài sản chung và nợ chung*: Quá trình tố tụng chị Á khai không có. Do Tòa án không thể làm việc được với anh Đ nên không biết vợ chồng có tài sản chung và nợ chung hay không, vì vậy nếu sau khi ly hôn anh Đ có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung với chị Á thì anh Đ được quyền khởi kiện vụ án tranh chấp tài sản sau khi ly hôn với chị Á.

*Về án phí*: Chị Thạch Thị Ngọc Á phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên*;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228; Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Thạch Thị Ngọc Á cho chị Á được ly hôn với anh Đ.

2. *Về con chung*: Chị Thạch Thị Ngọc Á được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Ngọc M là phù hợp với nguyện vọng muốn sống chung với mẹ của cháu M. Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Á không yêu cầu.

*Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.*

*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.*

*Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con.*

3. *Về tài sản chung và nợ chung*: sau khi ly hôn anh Đ có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung với chị Á thì anh Đ được quyền khởi kiện vụ án tranh chấp tài sản sau khi ly hôn với chị Á.

4. *Về án phí*: Chị Thạch Thị Ngọc Á phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0004791 ngày 06/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần tỉnh Trà Vinh.

Chị Á đã nộp đủ án phí. Anh Nguyễn Thanh Đ không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- UBND xã Phú Cần;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Thạch Thị Thu Hiền**







